

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/9/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tài

2. Bà Lê Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D - Sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Quách Văn T - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Bùi Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị mới sinh con không làm chủ được kinh tế gia đình nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Từ tháng 02/2019 chị D về nhà mẹ đẻ sinh sống; đến tháng 9/2019 chị và anh T sống ly thân cho đến nay. Dù hai bên gia đình có nhiều lần khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung, chị D trình bày: Chị và anh T có 01 con chung là Quách Tuấn A - Sinh ngày 04/4/2018, hiện nay cháu Tuấn A đang ở với chị và phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Tuấn A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị D đề nghị được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Bùi Thị D còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao trích lục khai sinh cháu Quách Tuấn A; Biên bản hòa giải không thành về ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân của chị D; Căn cước công dân của anh T (bản sao có chứng thực); Sổ hộ khẩu (bản sao có chứng thực); Đơn xin xác nhận; Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí; Quyết định về việc cử trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng; thẻ trợ giúp viên pháp lý; Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; Đơn đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ.

** Về bị đơn:* Quá trình hòa giải tại cơ sở, anh Quách Văn T không đến để tham gia hòa giải. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo hòa giải; Thông báo hoãn phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh T để lấy lời khai của anh.

** Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2020, ông Quách Văn X - bố đẻ của bị đơn Quách Văn T, người sống cùng nhà với anh T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là đúng thực tế. Sau khi kết hôn anh T và chị D sống chung cùng với gia đình nhà chồng tại thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, quan điểm nên khi cháu Tuấn A sinh được sáu tháng tuổi thì chị D mang con về nhà ngoại sinh sống cho đến nay. Đã nhiều lần gia đình ông xuống khuyên bảo và đón mẹ con chị D về đoàn tụ nhưng chị D cương quyết không về. Nay chị D làm đơn ra Tòa án xin ly hôn với anh T, gia đình ông cũng không có cách nào khuyên bảo để anh chị đoàn tụ. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị D và anh T có một con chùng là Quách Tuấn A - sinh ngày 04/4/2018. Hiện nay cháu còn nhỏ đang ở cùng với chị D và phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Nay chị D và anh T ly hôn thì ông đề nghị chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Tuấn A. Do hiện nay anh T không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, kinh tế gia đình rất khó khăn nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

Về tài sản và công nợ: Chị D và anh T không có tài sản và công nợ chung.

* *Tại phiên tòa:* Chị Bùi Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày trong đơn khởi kiện và trong bản tự khai ngày 21/5/2020. Theo đó, chị đề nghị được ly hôn anh Quách Văn T và được trực tiếp nuôi cháu Quách Tuấn A; chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa đề nghị:

- Hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Nay mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn anh T.

- Về con chung: Cháu Quách Tuấn A chưa đủ 36 tháng tuổi và đang ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được trực tiếp nuôi cháu Tuấn A. Về trách nhiệm cấp dưỡng, do anh T không có việc làm và thu nhập ổn định, kinh tế gia đình có nhiều khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D

- Về án phí: Chị Bùi Thị D là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho chị Bùi Thị D

Tại phiên tòa bị đơn Quách Văn T vẫn không đến tham gia phiên tòa dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Bùi Thị D về việc ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, xử cho chị D được ly hôn anh T; chị D được nuôi con chung, không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Quách Văn T các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa kèm theo giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Quách Văn T tự nguyện kết hôn ngày 14/10/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn; gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay chứng tỏ đời sống hôn nhân thực tế đã không còn. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ nên cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị D về trách nhiệm nuôi con thấy rằng: Cháu Quách Tuấn A còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng; chị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người mẹ đối với

con của mình, nên cần ưu tiên giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của người đại diện cho gia đình anh T. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không có công việc và thu nhập ổn định, kinh tế gia đình có nhiều khó khăn, nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Ngược lại, bản thân chị D có công việc và thu nhập ổn định, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩ nên không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bùi Thị D là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, chị D là người dân tộc thiểu số ở xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nghĩ nên miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị D theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị D, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Quách Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi cháu Quách Tuấn A; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Bùi Thị D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã M;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy